

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 83/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Păng Ting Nock

Ông Nguyễn Văn Mặc Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2021 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phan Đăng Duy K, sinh năm: 1978

Trú tại: Đường Nguyễn Trung T, Phường A, thành Phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1989

Trú tại: 89 A Đào Duy T, Phường A, thành Phố Đ, tỉnh Lâm Đồng

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Phan Đăng Duy K và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Đăng Duy K và bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thành phố Đà Lạt. Hôn nhân

tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại thành phố H đến năm 2011 thì chuyển về thành phố ĐL sống tại nhà mẹ ruột của ông K. Cuộc sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn giữa gia đình hai bên, bà M sống cùng mẹ chồng nhưng không quan tâm, chăm sóc mẹ chồng lúc bà đau ốm, không làm tròn trách nhiệm của người dâu. Tháng 11/2020 bà M đưa hai con về nhà ngoại. Hiện nay bà M cùng hai con về lại nhà mẹ ông sống. Nay xác định tình cảm không còn, ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà M.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Phan Ngọc Bảo C, sinh ngày 26/11/2008. Phan Ngọc Bảo Y, sinh ngày 22/9/2010. Ly hôn con có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi dưỡng. Nếu con ở với ông thì ông không yêu cầu bà M cấp dưỡng, nếu con ở với bà M thì ông cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 10.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung

Về nợ chung: Năm 2015 vợ chồng có mượn cha mẹ vợ là bà H, ông V150.000.000đ, trả được 50.000.000đ, nay bà M nói vẫn còn nợ 100.000.000đ thì ông đồng ý trả ½ là 50.000.000đ. Vì cha mẹ vợ ông không yêu cầu giải quyết số nợ này nên ông sẽ có trách nhiệm tự trả nợ cho cha mẹ vợ ông.

Bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận việc đăng ký và kết hôn và chung sống với nhau đúng như lời trình bày của ông Kh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại thành phố H được 3 năm thì bà cùng 2 con về Đà Lạt sống với mẹ chồng còn ông K thì sống và làm việc tại thành phố H. Trong thời gian sống chung với mẹ chồng thì giữa hai mẹ con có mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau nên tháng 11/2020 ông K có đưa ba mẹ con bà về nhà mẹ ruột bà gửi. Thời gian gần đây ông K đã về lại Đà Lạt sống nên tháng 6/2021 bà và 2 con về lại nhà mẹ chồng. Ông K ngủ bên ngoài thỉnh thoảng mới về nhà. Theo bà lý do chính mà ông K xin ly hôn bà là do anh K có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ ở SG trong thời gian ông làm việc ở Sài Gòn và một người phụ nữ ở ĐL trong thời gian ông về ĐL. Những hình ảnh ông K chụp hình vui chơi với người phụ nữ bà đã chụp lại từ Fb, Zalo của người phụ nữ đó. Nay vì các con và vì vẫn còn tình cảm với ông K nên bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như ông K trình bày. Nếu Tòa xử cho ly hôn thì bà xin nuôi hai con và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi 2 con mỗi tháng 10.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà có mua một miếng đất 7000m² vào năm 2008, 1 ô tô, 1 mô tô, 3 xe máy đều đứng tên ông K và có bỏ tiền ra sửa nhà mở hostay trên đất mẹ chồng bà. Ngoài ra ông K mượn bà số tiền 120.000.000đ. Vì không đồng ý ly hôn nên bà không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung.

Về nợ chung: Năm 2015 vợ chồng bà có mượn của ba mẹ ruột bà là ông Nguyễn Văn V Nguyễn Thị H 150.000.000đ. Trả được 50.000.000đ, còn lại 100.000.000đ. Vì ba mẹ bà không yêu cầu Tòa giải quyết nên cả hai người tự có trách nhiệm trả cho ba mẹ bà.

Tại phiên tòa: Ông Phan Đăng Duy K giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà Nguyễn Thị M. Bà M không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và đề xuất:

Bác yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Đăng Duy K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Ông Phan Đăng Duy K và bà Nguyễn Thị M đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông K khai là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà M không làm tròn trách nhiệm của người dâu khi ở chung với gia đình chồng, hai bên gia đình mâu thuẫn. Cuối năm 2020 bà M tự đưa hai con về nhà ba mẹ ruột của bà sống đến tháng 6 năm 2021 bà M lại đưa con về lại nhà mẹ ông sống.

Hiện ông đang làm khách sạn ở ĐL nên ở lại trông coi khách sạn, thỉnh thoảng về nhà thăm con. Bà M thì cho rằng trong cuộc sống chung mâu thuẫn giữa mẹ chồng con dâu là không trách khỏi nhưng nguyên nhân chính mà ông K kiên quyết ly hôn bà là do ông K có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Người phụ nữ mà hiện tại ông quan hệ thường xuyên, ngang nhiên đăng những bức hình tình cảm giữa hai người lên trang cá nhân của mình làm cho bà thấy mình bị xúc phạm, con cái bị tổn thương. Vì nghĩ đến con và vì vẫn còn tình cảm với ông K nên bà không đồng ý ly hôn.

[2] Xét thấy: Ông K, bà M kết hôn và chung sống với nhau đã nhiều năm. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có xảy ra những mâu thuẫn. Ông K làm việc ở Sài Gòn, bà M cùng hai con sống chung với mẹ chồng tại ĐL. Vợ chồng sống xa nhau, ít có thời gian gần gũi, không thông cảm nên phát sinh mâu thuẫn. Ông K lại có những biểu hiện gần gũi với người phụ nữ khác khi về làm việc ở ĐL nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng thẳng hơn. Bà M đã đưa hai con về lại nhà chồng sống với mục đích hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông K cũng không quan tâm, chăm sóc vợ. Xét vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng cần tạo điều kiện cho cả hai có thêm thời gian suy nghĩ, có thêm thời gian để thay đổi, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên nghĩ bác yêu cầu xin ly hôn của ông K là phù hợp với quy định pháp luật.

Do bác yêu cầu ly hôn của ông K nên về con chung không xem xét.

Do bác yêu cầu ly hôn của ông K, bà M cũng không yêu cầu giải quyết tài sản nên về tài sản chung không xem xét.

Về nợ chung: Do ông V, bà H không yêu cầu Tòa giải quyết nợ chung nên không xem xét.

[3] *Về án phí:* Ông Phan Đăng Duy K phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1- Bác yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Đăng Duy K đối với bà Nguyễn Thị M.

2 - Về án phí: Ông Phan Đăng Duy K phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông K đã nộp theo

biên lai thu số 0003961, ngày 14/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND tp.Đ
- Chi cục THADS tp. Đ
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Diệu Nga